

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023)

LỚP K16A-D2B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	GDQP	Số Đvht :						ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
					Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
						3	1	2	3	2	4			
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
						LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT				
1	16011038	Chu Văn Nghĩa	28/09/1998			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
2	16011031	Bùi Hồng Ngọc	29/08/2004			0.0	0.0	3.3	0.0	0.0	0.8	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
3	16011028	Nguyễn Thị Nguyệt	10/10/2003			7.9	7.7	4.0	7.8	6.0	6.2	T.bình khá		1=20.0%
4	16011010	Tĩnh Kim Oanh	31/01/2004			7.5	7.7	7.9	8.3	5.7	7.2	Khá		
5	16011026	Vàng Thị Pàng	21/03/2004			0.0	2.9	5.3	3.5	2.8	3.3	Yếu		4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
6	16011025	Nguyễn Thị Như	01/12/2004			8.0	7.1	8.0	6.9	5.5	6.8	T.bình khá		
7	16011026	Lường Thị Phương	13/07/2003			7.6	7.4	1.6	7.7	5.7	5.5	Trung bình		1=20.0%
8	16011030	Phạm Hồng Quân	25/08/2004			7.4	7.1	3.7	7.5	6.0	6.0	T.bình khá		1=20.0%
9	16011030	Tạ Thị Thu Quỳnh	08/07/2002			7.7	8.1	4.0	1.0	5.3	4.9	Yếu		2=40.0%(5:0)
10	16011029	Trần Thị Như Quỳnh	05/12/2003			7.3	7.7	3.8	8.4	6.2	6.3	T.bình khá		1=20.0%
11	16011027	Nguyễn Minh Tâm	12/06/2004			6.9	6.4	5.2	6.4	5.8	5.9	Trung bình		
12	16011029	Đàm Thị Thanh	21/03/2004			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
13	16011028	Nguyễn Đức Thành	26/08/1998			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
14	16011012	Giàng A Thành	27/09/2004			0.0	2.3	5.3	0.0	0.0	1.7	Yếu		4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
15	16011031	Vũ Thị Thảo	08/06/2003			7.4	6.3	3.3	6.4	4.8	5.2	Trung bình		2=40.0%(6:4)
16	16011022	Nguyễn Thị Thảo	09/07/2004			7.7	7.3	6.8	8.7	5.7	6.9	T.bình khá		
17	16011027	Quảng Thị Thắm	17/09/2004			7.4	7.7	6.0	6.8	5.4	6.3	T.bình khá		
18	16011030	Nguyễn Đức Tiệp	12/04/2002			4.8	4.4	0.0	2.6	0.0	1.6	Yếu		5=100.0%(2:4)(3:4)(5:0)(6:0)
19	16011021	Nguyễn Thị Phương Trang	23/09/2003			2.8	7.4	4.9	7.5	5.5	5.8	Trung bình		2=40.0%(2:0)

				Số Đvht :	3	1	2	3	2	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011022	Lê Quỳnh	Trang	19/12/2003		<u>0.0</u>	<u>2.4</u>	<u>3.2</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	1.2	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
21	16011023	Triệu Thu	Trang	08/10/2004		7.9	7.7	8.2	7.4	6.1	7.3	Khá		
22	16011023	Trần Thị Thu	Trang	20/11/2004		<u>2.8</u>	7.6	<u>3.2</u>	<u>1.7</u>	5.2	4.3	Yếu		3=60.0%(2:0)(5:0)
23	16011030	Vũ Thị Thùy	Trang	10/04/2004		7.6	6.2	<u>3.5</u>	7.1	5.5	5.6	Trung bình		1=20.0%
24	16011031	Nguyễn Thùy	Trang	25/09/2004		7.2	6.4	<u>4.0</u>	7.6	6.1	6.0	T.bình khá		1=20.0%
25	16011019	Đỗ Thu	Trang	20/07/2001		8.0	8.1	8.0	8.0	<u>0.0</u>	5.4	Trung bình		1=20.0%(6:0)
26	16011030	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/10/2004		7.1	5.9	<u>4.5</u>	7.5	6.1	6.0	T.bình khá		1=20.0%
27	16011030	Lê Anh	Tuấn	19/08/2003		<u>1.6</u>	6.5	<u>0.0</u>	<u>2.7</u>	<u>0.0</u>	1.7	Yếu		4=80.0%(2:0)(5:0)(6:0)
28	16011022	Nguyễn Thị	Tươi	06/10/2004		<u>0.0</u>	<u>2.8</u>	5.1	<u>0.9</u>	<u>0.0</u>	1.9	Yếu		4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
29	16011026	Tổng Thị Minh	Xuân	21/02/2003		7.9	6.8	<u>3.7</u>	6.3	6.1	5.8	Trung bình		1=20.0%
30	16011030	Nguyễn Hải	Yến	18/07/2022		7.3	6.5	<u>3.5</u>	7.3	6.0	5.8	Trung bình		1=20.0%
31	16011029	Viên Ngọc	Yến	05/05/2003		<u>2.8</u>	7.3	<u>3.3</u>	6.8	6.2	5.5	Trung bình		2=40.0%(2:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 2 (6.5%), T.bình khá: 8 (25.8%), Trung bình: 9 (29.0%), Yếu: 12 (38.7%),

Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) GDQP: GDQP

(2) LT: LATIN

(3) SH - DT: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(4) HĐCVC: HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ

(5) GDPL: GDPL

(6) CT: CHÍNH TRỊ